

Bản án số: 211/2018/DS-PT

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán nhà;
thừa kế tài sản; tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

- Ông Đặng Quốc Khởi

- Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà; thừa kế tài sản; tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1196/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 959/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984 – Có mặt;

Trú Số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Cụ Trần Thùy H1, sinh năm 1955 – Vắng mặt;

Thường trú: Số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.

Tạm trú: 928 đường Lê Văn Lương, xã Phước Kiến, huyện N, Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Thùy P1, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

Trú 928 đường Lê Văn Lương, xã Phước Kiến, huyện N, Thành phố H.

- 3.2. Bà Nguyễn Thị Kim P2, sinh năm 1978 – Có mặt;
- 3.3. Cụ Trần Thị L, sinh năm 1955 – Vắng mặt;
Cùng trú 56/1/2 đường số 6, Khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố H.
Cụ Trần Thị L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim P2 đại diện (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2017) – Có mặt.
- 3.4. Bà Huỳnh Kim V, sinh năm 1970 – Có mặt;
- 3.5. Ông Bùi Đức H2, sinh năm 1969 – Có mặt;
Cùng trú 74/39 Quốc lộ 13 cũ, Tổ 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.
- 3.6. Cô Phùng Thị H3, sinh năm 1923 – Vắng mặt;
Trú 161/4 Quốc lộ 13 cũ, Tổ 01, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.
Người đại diện hợp pháp của cô H3: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; Trú 161/4 Quốc lộ 13 cũ, Tổ 01, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 1895 ngày 16/01/2016) – Có mặt.
- 3.7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 – Có mặt;
Trú 161/4 Quốc lộ 13 cũ, Tổ 01, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.
- 3.8. Chị Ngô Thị Kim C, sinh năm 1998 – Có mặt;
Trú số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.
- 3.9. Cháu Nguyễn T, sinh năm 2004 – Vắng mặt;
Trú số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.
Người đại diện hợp pháp của Nguyễn T: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984; trú cùng địa chỉ cháu T – Có mặt.
- 3.10. Văn phòng công chứng B; Trụ sở 164 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận B, Thành phố H – Vắng mặt.
- 3.11. Phòng Công chứng số 03; Trụ sở: Số 12, đường Thống Nhất, phường Bình Thọ, quận T, Thành phố H – Có đơn xin vắng mặt.
- 3.12. Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H; Trụ sở 12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, quận B, Thành phố H – Vắng mặt.
4. *Người kháng cáo, kháng nghị:*
- 4.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cô Phùng Thị H3.
- 4.2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B (và cũng là người đại diện hợp pháp cho Nguyễn T) trình bày: Bà Nội của ông là cô Phùng Thị H3. Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Y và Trần Thùy H1 có hai con chung là ông và bà Nguyễn Thị Thùy P1. Ngoài ra, cụ Y có hai con

riêng là bà Nguyễn Thị Kim P2 và ông Nguyễn Văn H4 (chết năm 2010 không có vợ con). Mẹ của bà P2 là cụ Trần Thị L.

Cha mẹ ông có tài sản chung là căn nhà số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.

Cha ông chết ngày 06/12/2012 (giấy chứng tử số 110), không để lại di chúc. Ngày 23/6/2014, mẹ ông có yêu cầu bà nội và anh em ông ra công chứng làm thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cha ông với nội dung bà nội và hai anh em ông tặng toàn bộ phần thừa kế của mình cho cụ H1. Cụ H1 nói làm thủ tục này để vay tiền Ngân hàng, nhưng sau đó ông được biết cụ H1 đã bán căn nhà này cho bà Huỳnh Kim V và ông Bùi Đức H2.

Ông B khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vô hiệu; Hủy hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất giữa cụ H1 với bà V, ông H2; đồng thời chia tài sản thừa kế của cụ Y theo pháp luật. Ông xin được nhận phần thừa kế, chữ ký trong văn bản công chứng không phải là chữ ký của ông.

Bị đơn cụ Trần Thùy H1 trình bày: Cụ với cụ Y chung sống từ năm 1980, có đăng ký kết hôn số 84 ngày 12/7/2002, có 02 con chung là B và P1. Trước khi chung sống với cụ Y, bà nghe nói cụ Y có vợ nhưng không biết ở đâu, nghe nói cụ L bỏ đi.

Cụ với cụ Y có tài sản chung là căn nhà số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H. Khi cụ Y chết, cuộc sống khó khăn, cụ bàn với gia đình làm thủ tục vay tiền Ngân hàng. Lúc đó cố H3 và hai con của cụ ký tên tại Văn phòng công chứng cho cụ toàn bộ phần tài sản thừa kế. Sau khi có văn bản, cụ vay Ngân hàng 400.000.000 đồng. Đến năm 2016, cụ quyết định bán nhà để trang trải nợ nần thì cụ có nói với cố H3 và các con nhưng không ai có ý kiến gì. Lúc đầu ông B đồng ý hai tháng sau giao nhà cho bà V, ông H2 nhưng không thực hiện, kiếm chuyện nên cụ phải ra khỏi nhà.

Căn nhà này đã bán cho bà V, ông H2 đã sang tên chủ sở hữu. Cụ đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng mua bán nhà, yêu cầu ông B, cố H3 cùng những người ở trong nhà giao nhà cho bà V, ông H2.

Lúc ra công chứng cụ không nghĩ đến việc kê khai con riêng của cụ Y vì bà P2 rất lâu không thăm cụ Y, không biết địa chỉ liên lạc, cũng không nghe cụ Y nói gì đến cụ L và cũng không thấy cụ L xuất hiện. Nay bà P2 đòi chia phần thì cụ đồng ý hoàn lại phần thừa kế của bà P2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Trần Thị L do bà Nguyễn Thị Kim P2 trình bày: Cụ kết hôn với cụ Y có giấy chứng nhận kết hôn số 29/1978. Từ năm 1980 cụ không còn chung sống với cụ Y, cụ biết là cụ Y đã có người khác nhưng cụ không có ý kiến gì và không còn liên lạc với cụ Y. Đến năm 2015 thì cụ mới biết cụ Y chết. Cụ L đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P2 trình bày: Bà là con của cụ Y với cụ L. Cha mẹ bà có giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi không chung sống với mẹ bà, cụ Y đã có gia đình khác, bà không thường xuyên liên lạc. Đến năm 2015 bà mới nghe ông B báo tin cụ Y chết. Đối với phần tài sản của cụ Y chết để lại, bà yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật. Bà không có đơn yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố Phùng Thị H3 do bà Nguyễn Thị N trình bày: Việc làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chỉ nhằm để vay tiền Ngân hàng, cố H3 không biết việc mua bán nhà nên cố H3 không đồng ý. Cố H3 có yêu cầu độc lập hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; Hủy hợp đồng mua bán nhà giữa cụ H1 với bà V, ông H2; khôi phục lại quyền sở hữu nhà, chia di sản thừa kế của cụ Y theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy P1 trình bày: Bà đã đồng ý giao quyền sở hữu cho cụ H1 để trang trải chi phí trong gia đình và nợ chạy chữa bệnh cho cụ Y nên bà không tranh chấp. Các chữ ký trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/6/2014 đúng là chữ ký của cố H3, cụ H1, ông B và chữ ký của bà trước mặt công chứng viên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là người đang sinh sống trong nhà này, ý kiến của bà cũng giống như ý kiến của ông B, cố H3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim V và ông Nguyễn Đức H2 trình bày: Việc mua bán nhà giữa vợ chồng ông bà với cụ H1 được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bà V và ông H2 yêu cầu bên bán nhà giao nhà cho ông bà thì ông bà sẽ giao nốt số tiền còn lại. Bà V yêu cầu xem xét thời hiệu đối với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng B trình bày: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 7739 ngày 23/6/2014 do cố Phùng Thị H3, cụ Trần Thùy H1, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Thùy P1 lập tại Văn phòng công chứng B. Chữ ký của những người có tên trong văn bản công chứng đều được kiểm tra đúng người và đã giải thích rõ hậu quả pháp lý hành vi của mình. Thủ tục xác định người thừa kế cũng đã được tiến hành thủ tục niêm yết và thực hiện đúng thời hạn, trình tự quy định của pháp luật. Do đó văn bản công chứng nêu trên đúng trình tự quy định của pháp luật. Nếu phát sinh người thừa kế thì đề nghị các bên thương lượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng số 3 trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất được công chứng số 38381 ngày 02/11/2016 do các bên ký kết và Công chứng viên chứng nhận đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H trình bày: Căn cứ tài liệu mà các bên cung cấp gồm giấy tờ chứng minh quyền chủ sở hữu tài sản, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, hợp đồng mua bán nhà.

Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H đã cập nhật biến động sang tên chủ sở hữu cho bà Huỳnh Thị Kim V và ông Bùi Đức H2 ngày 02/12/2016 vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 945694 ngày 30/3/2005 do Ủy ban nhân dân quận T cấp. Thời điểm cập nhật quyền sở hữu có đủ căn cứ pháp lý tiến hành thủ tục đúng quy định pháp luật. Nay nếu có phát sinh tình tiết mới thì tùy Tòa án xem xét, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H sẽ chấp hành theo quyết định của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1196/2017/DSST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, 5, 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 34, khoản 1, 2 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 121, 122, 305, 450, 451, 452, 453, 454, 633, 634, 635, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 66, Điều 19, Điều 70 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 48, khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 27, khoản 1, điểm d khoản 2 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B và yêu cầu độc lập của cố Phùng Thị H3.

2. Công nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Y do Văn phòng công chứng B công chứng số 7739 ngày 23/6/2014 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 38381 ngày 02/11/2016 lập tại phòng công chứng số 03 giữa cụ Trần Thùy H1 với ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V có hiệu lực pháp luật.

2.1. Cụ Trần Thùy H1, ông Nguyễn Thanh B, cố Phùng Thị H3 và những người đang cư trú trong căn nhà số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H có nghĩa vụ giao căn nhà trên trống cho ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền mua bán nhà cho cụ Trần Thùy H1 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) ngay sau khi được nhận nhà.

3. Cụ Trần Thùy H1 có nghĩa vụ hoàn trả phần thừa kế của cụ Nguyễn Văn Y cho bà Nguyễn Thị Kim P2 số tiền 394.100.000 đồng (*Ba trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng*).

4. Bà Nguyễn Thị Kim P2 có nghĩa vụ hoàn trả chi phí thẩm định giá tài sản cho ông Nguyễn Thanh B 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh B phải chịu án phí đối với các yêu cầu không được chấp nhận gồm: Tuyên bố văn bản vô hiệu, yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà và yêu cầu chia thừa kế tổng cộng 5.500.000 đồng và được khấu trừ tạm ứng án phí theo các biên lai thu tổng cộng 10.400.000 đồng nên được hoàn trả 4.900.000 đồng.

Miễn án phí cho cố Phùng Thị H3. Hoàn lại cho cố H3 tạm ứng án phí đã nộp 7.700.000 đồng theo các biên lai thu.

Bà Nguyễn Thị Kim P2 phải chịu án phí là 19.705.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm lăm ngàn đồng*).

Ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V phải chịu án phí 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố Phùng Thị H3 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 7739 ngày 23/6/2014 là vô hiệu; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 38381 ngày 02/11/2016 giữa cụ H1 với ông H2, bà V là vô hiệu; Tuyên cho cố H3 hưởng 1/5 giá trị tài sản và kiến nghị Ủy ban nhân dân quận T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cập nhật tên cho ông H2, bà V.

Tại Quyết định số 57/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét án sơ thẩm không công nhận quan hệ hôn nhân giữa cụ Trần Thị L với cụ Nguyễn Văn Y là không đúng, từ đó không công nhận cụ L là người thừa kế của cụ Y, không chia di sản của cụ Y cho cụ L là không đúng; Không yêu cầu ông H2, bà V nộp tạm ứng án phí yêu cầu độc lập là không đúng; Buộc bà P2 chịu chi phí thẩm định giá là không đúng; Không buộc những người được hưởng di sản thừa kế chịu án phí mà chỉ buộc một mình bà P2 chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Nguyễn Thị N đại diện cho cố Phùng Thị H3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Thanh B đề nghị chấp nhận kháng cáo của cố H3, đề nghị hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 7739 ngày 23/6/2014 do cố Phùng Thị H3, cụ Trần Thùy H1, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Thùy P1 lập tại Văn phòng công chứng B.

Bà Nguyễn Thị Kim P2 (đồng thời là đại diện cho cụ Trần Thị L) xác định bà và cụ L không kháng cáo và không có ý kiến.

Bà Nguyễn Thị N đề nghị chấp nhận kháng cáo của cố H3.

Chị Ngô Thị Kim C không có ý kiến.

Bà Huỳnh Kim V và ông Bùi Đức H2 đề nghị công nhận hợp đồng mua bán nhà giữa ông bà với cụ Trần Thùy H1.

Kiểm sát viên rút toàn bộ kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H. Về tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã được Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện đúng. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của cô Phùng Thị H3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của cô Phùng Thị H3 và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

Cô Phùng Thị H3, cụ Trần Thị L, cháu Nguyễn T vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa.

Cụ Trần Thùy H1, bà Nguyễn Thị Thùy P1 (đều không kháng cáo) được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định số 57/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại Trích lục kết hôn số 01/TLKH-BS ngày 09/01/2017 của Ủy ban nhân dân Phường H và bản sao từ Sổ đăng ký kết hôn thể hiện cụ Nguyễn Văn Y kết hôn với cụ Trần Thị L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/1978 do Ủy ban nhân dân xã H cấp ngày 18/3/1978 và cũng chưa có bản án, quyết định của Tòa án cho ly hôn, do đó về mặt pháp lý quan hệ hôn nhân giữa cụ Nguyễn Văn Y với cụ Trần Thị L vẫn còn. Tuy nhiên, trên thực tế cụ L đã không còn chung sống với cụ Y từ năm 1980 cho đến khi cụ Y chết (năm 2012) và cụ Y đã chung sống với cụ Trần Thùy H1 từ năm 1980 có hai con chung là Nguyễn Thanh B và Nguyễn Thị Thùy P1 cho đến năm 2002 thì cụ Y và cụ H1 đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84, Quyền số 01/02 ngày 12/7/2002. Mặt khác, tại “Đơn xin xây dựng nhà” đề ngày 09/10/1985 và “Tờ cam kết” đề ngày 29/12/2004 của cụ Nguyễn Văn Y đều thể hiện căn nhà đang tranh chấp là của cụ Trần Thùy H1 xây cất, còn cụ L đã không còn ở địa phương và cũng không liên lạc được. Từ đó có căn cứ để xác định tài sản đang tranh chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Y với cụ H1, không phải là

tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Y với cụ L, nên bản án sơ thẩm đã xác định những người thừa kế di sản của cụ Y gồm: Cố Phùng Thị H3, cụ Trần Thùy H1, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Thùy P1 và bà Nguyễn Thị Kim P2 là có căn cứ vì quan hệ hôn nhân giữa cụ Y với cụ H1 tồn tại về pháp lý lẫn thực tế; còn quan hệ hôn nhân giữa cụ Y với cụ L đã không còn tồn tại trên thực tế từ năm 1980; đồng thời cụ L cũng không có đóng góp gì trong việc tạo dựng căn nhà đang tranh chấp. Mặt khác, cụ Trần Thị L và người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim P2 cũng không có kháng cáo.

[4] Cố Phùng Thị H3 và ông Nguyễn Thanh B cho rằng đã ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/6/2014 là để cho cụ Trần Thùy H1 vay tiền Ngân hàng, nhưng ngoài lời trình bày bằng lời nói, cố H3 và ông B đều không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Trái lại, cố H3, ông B và bà P1 đều đến tại Văn phòng công chứng B để ký tên vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và nội dung văn bản thể hiện rõ là cố H3, ông B và bà P1 đã tặng cho phần thừa kế của mình. Xét thấy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Văn phòng công chứng B công chứng số 7739 ngày 23/6/2014 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thông báo khai nhận, phân chia di sản thừa kế đã được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường H đúng quy định của pháp luật. Việc bà Nguyễn Thị Kim P2 không tham gia vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Y là do bà P2 không còn liên lạc với các thừa kế của cụ Y. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà P2 cũng chỉ yêu cầu được nhận số tiền được chia thừa kế theo bản án sơ thẩm đã tuyên và không tranh chấp đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/6/2014. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cụ Phùng Thị H3 yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 7739 ngày 23/6/2014 là vô hiệu và vì vậy cũng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cố Phùng Thị H3 yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 38381 ngày 02/11/2016 giữa cụ H1 với ông H2, bà V là vô hiệu;

[5] Tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Văn phòng công chứng B công chứng số 7739 ngày 23/6/2014 cố Phùng Thị H3 và các thừa kế của cụ Nguyễn Văn Y đã tặng cho phần thừa kế của mình cho cụ Trần Thùy H1 và cụ H1 đã kê khai được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố H cho đăng ký vào ngày 21/5/2015, nên theo quy định tại Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015) thì không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cố Phùng Thị H3 yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị tài sản và kiến nghị Ủy ban nhân dân quận T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cập nhật tên cho ông H2, bà V.

[6] Các thừa kế của cụ Nguyễn Văn Y đã tặng cho phần thừa kế của mình, nên không có ai được nhận phần thừa kế, vì vậy án sơ thẩm đã không tính án phí sơ thẩm đối với họ là có căn cứ. Riêng bà P2 được nhận phần thừa kế nên phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm trên số tiền được hưởng thừa kế và phải chịu chi phí thẩm định giá là đúng quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V là nhằm để phản bác yêu cầu khởi kiện của các đương sự đòi tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán nhà giữa ông H2, bà V với cụ H1, không phải là yêu cầu độc lập nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không yêu cầu họ đóng tạm ứng án phí là đúng quy định của pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cụ Phùng Thị H3.

[8] Cố Phùng Thị H3 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 57/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H;

[3] Bác kháng cáo của cố Phùng Thị H3; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1196/2017/DSST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B và yêu cầu độc lập của cố Phùng Thị H3.

3.2. Công nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Y do Văn phòng công chứng B công chứng số 7739 ngày 23/6/2014 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 38381 ngày 02/11/2016 lập tại phòng công chứng số 03 giữa cụ Trần Thùy H1 với ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V có hiệu lực pháp luật.

3.2.1. Cụ Trần Thùy H1, ông Nguyễn Thanh B, cố Phùng Thị H3 và những người đang cư trú trong căn nhà số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H có nghĩa vụ giao căn nhà số 21, đường 11, Khu phố 3, phường H, quận

T, Thành phố H cho ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.2.2. Ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền mua bán nhà cho cụ Trần Thùy H1 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) ngay sau khi được nhận nhà.

3.3. Cụ Trần Thùy H1 có nghĩa vụ hoàn trả phần thừa kế của cụ Nguyễn Văn Y cho bà Nguyễn Thị Kim P2 số tiền 394.100.000 đồng (*Ba trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng*).

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim P2 có nghĩa vụ hoàn trả chi phí thẩm định giá tài sản cho ông Nguyễn Thanh B 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.5. Về án phí:

3.5.1. Ông Nguyễn Thanh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với các yêu cầu không được chấp nhận gồm: Tuyên bố văn bản vô hiệu, yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà và yêu cầu chia thừa kế tổng cộng 5.500.000 đồng và được khấu trừ tạm ứng án phí tổng cộng 10.400.000 đồng theo các biên lai thu số AA/2016/0014345 ngày 21/11/2016, số AA/2016/0014629 ngày 04/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T và biên lai số AA/2016/0034374 ngày 12/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh B 4.900.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm ngàn đồng*).

3.5.2. Miễn án phí cho cố Phùng Thị H3. Hoàn lại cho cố H3 tạm ứng án phí đã nộp 7.700.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0047063 và số AA/2017/004762 cùng ngày 03/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3.5.3. Bà Nguyễn Thị Kim P2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.705.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm lẻ năm ngàn đồng*).

3.5.4. Ông Bùi Đức H2 và bà Huỳnh Thị Kim V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

[4] Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho cố Phùng Thị H3. Hoàn trả lại cho cố Phùng Thị H3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0047850 ngày 03/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu

Phạm Văn Công

